TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HS-PT
Ngày 19 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Yến và ông Nguyễn Hải Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLPT-HS ngày 23/3/2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn T; do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

***Bị cáo kháng cáo*:**

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1978, tại huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết), ông N1 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất vào năm 1986, con bà Đoàn Thị T1; có vợ là Phạm Thị T2, có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự, nhân thân: chưa.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, tại huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ĐKHKTT: thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Vũ Thị T4 (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự, nhân thân: chưa.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị: Phạm Văn N, Đỗ Xuân V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Phạm Văn N và Đỗ Xuân V là bạn bè. Các bị cáo sử dụng điện thoại trao đổi mua bán số lô, số đề với nhau bằng hình thức nhắn tin SMS. Cụ thể: *N và T thỏa thuận*: N mua 1.000đ tiền đề thì N chỉ phải trả T 715đ; nếu thắng N được 70.000đ. Mỗi điểm lô N mua với giá 18.900đ, nếu thắng N được 70.000đ. *N và Nhâm thỏa thuận*: N mua 1.000đ tiền đề thì N chỉ phải trả Nhâm số tiền 720đ, nếu thắng, N được 70.000đ. Mỗi điểm lô N mua với giá 19.000đ, nếu thắng N được 70.000đ. *N và V thỏa thuận*: Vị mua 1.000đ tiền đề thì V phải trả N số tiền 1.000đ, nếu thắng N phải trả V 77.000đ. *Nhâm và V thỏa thuận*: V mua 1.000đ tiền đề thì V phải trả cho Nhâm số tiền 720đ, nếu thắng V nhận được 70.000đ. Mỗi điểm lô V mua với giá 19.000đ, nếu thắng V được 70.000đ. Xác định thắng thua được lấy từ kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, mở thưởng vào hồi 18 giờ 15 phút hàng ngày. Việc mua số lô, số đề phải vào thời gian trước khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng. Quy định số đề thường là hai số cuối của giải đặc biệt; số lô khi mua được tính theo điểm. Số lô thì so sánh với hai số cuối của các dãy số trong tất cả các giải. Hình thức mua số lô, số đề qua tin nhắn SMS chỉ áp dụng với người mua số lô, số đề và người bán có quan hệ, quen biết từ trước. Người mua số lô, số đề chỉ cần nhắn tin SMS các số lô, số đề muốn mua từ số điện thoại của mình gửi đến số điện thoại của người bán, khi nhận được tin nhắn của người mua, người bán đồng ý bán số lô số đề thì sẽ nhắn tin trả lời "Ok". Người mua số lô, số đề không cần thanh toán tiền ngay tại thời điểm mua. Đến giờ có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc thì dựa vào đó so sánh thắng, thua và nhắn tin thông báo kết quả thắng, thua cho người mua. Sau đó người bán và người mua sẽ gặp nhau để thanh toán tiền sau. Trong ngày 07/6/2022, các bị cáo đã thực hiện các hành vi sau:

1. Hành vi của N và T:

Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 58 phút đến 16 giờ 12 phút ngày 07/6/2022, N sử dụng điện thoại SamSung Galaxy A10s, màu đen có lắp 02 sim số 0926.460.937 và 0326.314.934. Nhưng N chỉ sử dụng sim số 0326.314.934 nhắn tin SMS gửi đến điện thoại Nokia lắp sim số 0865.796.521 của T để mua số lô, số đề của T như sau:

- Tin nhắn 1: N mua tổng 3600 điểm lô x 18.900 đồng = 68.040.000 đồng.- Tin nhắn 2: N mua tổng 4320 điểm lô x 18.900 đồng = 81.648.000 đồng. - Tin nhắn

3: N mua tổng 5000 điểm lô x 18.900 đồng = 94.500.000 đồng. - Tin nhắn 4: N mua tổng số tiền đề là: 12.200.000 đồng.

- Tin nhắn 5: N mua tổng số tiền đề là: 11.200.000 đồng.
- Tin nhắn 6: N mua tổng số tiền đề là: 16.250.000 đồng.
- Tin nhắn 7: N mua tổng số tiền đề là: 1.750.000.000 đồng.
- Tin nhắn 8: N mua tổng số tiền đề là: 12.700.000đồng.

Tổng số tiền N đã mua số lô, số đề của T là 298.288.000đ. Sau khi nhận được tin nhắn mua số lô, số đề của N, T nhắn lại cho N là "OK 8" để xác nhận đã nhận được 08 tin nhắn mua số lô, số đề của N và T đồng ý bán các số lô, số đề trong 08 tin nhắn cho N. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng Ny 07/6/2022 thì N đã trúng 2800 điểm lô, theo quy định 01 điểm lô trúng được 70.000đ; tổng tiền lô N trúng (2800điểm x 70.000đ) = 196.000.000đ. N trúng 25.000đ tiền đề, theo quy định 1.000đ tiền đề trúng được 70.000đ, tổng tiền đề N trúng (25.000đ x 70) = 1.750.000đ.

2. Hành vi của N và N1:

Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 39 phút đến 11 giờ 42 phút ngày 07/6/2022, N sử dụng điện thoại SamSung Galaxy A10s, màu đen có lắp sim số 0926.460.937 nhắn tin SMS gửi đến điện thoại Nokia lắp sim số 0372.835.901 của N1 để mua số lô, số đề của N như sau:

- Tin nhắn 1: N mua tổng 1800 điểm lô x 19.000 đồng = 34.200.000 đồng.- Tin nhắn 2: N mua tổng 3000 điểm lô x 19.000 đồng = 57.000.000 đồng. - Tin nhắn 3: N mua tổng số tiền đề là: 7.200.000 đồng.
- Tin nhắn 4: N mua tổng số tiền đề là: 5.000.000 đồng.
- Tin nhắn 5: N mua tổng số tiền đề là: 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền N đã mua số lô, số đề của N là: 107.400.000đ. Sau khi nhận được tin nhắn mua số lô, số đề của N, N1 nhắn lại cho N là "5t" để xác nhận đã nhận được 05 tin nhắn mua số lô, số đề của N và N đồng ý bán các số lô, số đề trong 05 tin nhắn cho N. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 07/6/2022 thì N đã trúng 900 điểm lô, theo quy định 01 điểm lô trúng được 70.000đ; tổng tiền lô N trúng (900 điểm x 70.000đ) = 63.000.000đ. N trúng 200.000đ tiền đề, theo quy định 1.000đ tiền đề trúng được 70.000đ, tổng tiền đề N trúng (200.000đ x 70) = 14.000.000đ.

3. Hành vi của V và N:

Khoảng 18 giờ 23 phút Ny 07/6/2022, V sử dụng điện thoại Iphone 6S, màu vàng, lắp sim số 0865.126.875 nhắn tin SMS gửi đến điện thoại SamSung Galaxy A10s, màu đen lắp sim số 0326.314.934 của N để mua số đề của N. Tổng số tiền V đã mua số đề của N là: 1.940.000đ. Sau khi nhận được tin nhắn mua số

đề của V, N nhắn lại cho V là "ok" để xác nhận đã nhận được tin nhắn mua số đề của V và N đồng ý bán các số đề trong tin nhắn cho V. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 07/6/2022 thì V đã trúng 50.000đ tiền đề, theo quy định 1.000đ tiền đề trúng được 77.000đ, tổng tiền đề N trúng (50.000đ x 77) = 3.850.000đ.

4. Hành vi của V và N1:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 07/6/2022, Vị sử dụng điện thoại Iphone 6S, màu vàng, lắp sim số 0865.126.875 nhắn tin SMS gửi đến điện thoại Nokia lắp sim số 0338.598.105 của N1 để mua số đề của N1. Tổng số tiền V đã mua số đề của N1 là: 3.180.000đ. Sau khi nhận được tin nhắn mua số đề của V, N1 nhắn lại cho V là "ok" để xác nhận đã nhận được tin nhắn mua số đề của V và N1 đồng ý bán các số đề trong tin nhắn cho V. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 07/6/2022 thì V đã trúng 100.000đ tiền đề, theo quy định 1.000đ tiền đề trúng được 70.000đ, tổng tiền đề V trúng (100.000đ x 70) = 7.000.000đ.

Đến 18h30 cùng ngày, hành vi của các bị cáo bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ được:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A10s, màu đen, số IMEI1: 353983614222644; số IMEI2: 358052324222644; khay sim 1 lắp sim số 0926.460.937; khay sim 2 lắp số 0326.314.934, của N.

- 01 điện thoại di động Iphone 6S, màu vàng, số IMEI: 358571071203655, lắp sim điện thoại số 0865.126.875, của Vị.

Đối với 03 chiếc điện thoại (01 điện thoại NOKIA lắp sim số 0865.796.521, của T; 02 điện thoại NOKIA của Nhâm: 01 chiếc lắp sim 0372.835.901; 01 chiếc lắp sim 0338.598.105) không thu giữ được.

Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 16/02/2023, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Gia Lộc căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 48 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Ngoài ra, bản án còn quyết định tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn Nhâm, Đỗ Xuân Vị trong vụ án, quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/02/2023, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T tự nguyện nộp trước số tiền 212.950.000đ *(trong đó: nộp tiền truy thu 197.750.000đ; tiền phạt bổ sung 15.000.000đ; án phí sơ thẩm hình sự 200.000đ)*; Bị cáo N tự nguyện nộp trước số

tiền hình phạt bổ sung 20.000.000đ theo quyết định của bản án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo N, T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn T về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt Nguyễn Văn N 48 tháng tù là phù hợp, mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 BLHS. T nhiên, bị cáo Đánh bạc với nhiều người, sử dụng số tiền nhiều nhất giữ vai trò đầu vụ nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo N; Đối với bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm, sử dụng vào việc đánh bạc số tiền nhiều thứ hai. T nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T và gia đình tự nguyện nộp trước toàn bộ số tiền theo quyết định của bản án cấp sơ thẩm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T, xử phạt bị cáo T từ 36 tháng – 39 tháng tù. Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo T không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do có sự thỏa thuận, thống nhất với nhau từ trước trong việc mua bán lô, đề thắng thua bằng tiền; Ny 07/6/2022, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Phạm Văn N1, Đỗ Xuân V đã mua, bán các số lô, số đề qua hình thức nhắn tin SMS trên điện thoại di động và xác định thắng thua sau khi có có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 07/6/2022 thể hiện: Tổng số tiền bị cáo N sử dụng đánh bạc với T là 298.288.000đ + 196.000.000đ + 1.750.000đ = 496.038.000đ. Số tiền đánh bạc của bị cáo N với bị cáo N1 là 107.400.000đ + 63.000.000đ + 14.000.000đ = 184.400.000đ. Số tiền bị cáo V đánh bạc với bị cáo N 1.940.000đ + 3.850.000đ = 5.790.000đ. Số tiền bị cáo Vị đánh bạc với bị cáo N1 là 3.180.000đ + 7.000.000đ = 10.180.000đ. Như vậy, bị cáo N đánh bạc với bị cáo T, bị cáo N1 và bị cáo V

tổng số là 686.228.000đ. Bị cáo T đánh bạc với bị cáo N là: 496.038.000đ. Bị cáo N1 đánh bạc với bị cáo N và bị cáo V tổng là (184.400.000đ + 10.180.000đ) = 194.580.000đ. Bị cáo V đánh bạc với bị cáo N và bị cáo N1 tổng là (5.790.000đ + 10.180.000đ) = 15.970.000đ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc trong vụ án này là 1.392.816.000đ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua số lô, số đề trái phép phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo bị cấp sơ thẩm xét xử về tội Đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, HĐXX nhận thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo đều có nhân thân tốt và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo N có bố đẻ được tặng thưởng huân chương nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N tự nguyện nộp trước số tiền 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung; bị cáo T tự nguyện nộp trước số tiền 212.950.000 đồng *(trong đó: nộp tiền truy thu 197.750.000đ; tiền phạt bổ sung 15.000.000đ; án phí sơ thẩm hình sự 200.000đ)* theo quyết định của bản án cấp sơ thẩm thể hiện ý thức chấp hành pháp luật, thái độ ăn năn hối cải, do vậy cần áp dụng thêm cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy bị cáo N đánh bạc với nhiều người, sử dụng vào việc đánh bạc số tiền nhiều nhất là 686.228.000đ nên giữ vai trò đầu vụ trong vụ án, cấp sơ thẩm đã xử phạt Nguyễn Văn N 48 tháng tù là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm, sử dụng vào việc đánh bạc số tiền nhiều thứ hai là 496.038.000 đồng, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tự nguyện nộp trước toàn bộ số tiền theo quyết định của bản án cấp sơ thẩm (thực hiện xong) nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và đề nghị của Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương để giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo,

kháng nghị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo N không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo N. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm hình sự số 08/2023/HS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với bị cáo N.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm hình sự số 08/2023/HS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với bị cáo T.

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 48 (*bốn mươi tám*) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 16/6/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 16/6/2022.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Văn T không phải chị án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 212.950.000đ *(trong đó: nộp tiền truy thu 197.750.000đ; tiền phạt bổ sung 15.000.000đ; án phí sơ thẩm hình sự 200.000đ)* theo các biên lai thu tiền số AA/2020/0000178 ngày 17/02/2023; số AA/2020/0000185 ngày 27/4/2023; số AA/2020/0000184 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 20.000.000đ là số tiền phạt theo biên lai số AA/2020/0000181 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án 19/5/2023./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;*
- *Phòng HSNV-Công an tỉnh HD;*
- *TAND huyện Gia Lộc;*
- *Công an huyện Gia Lộc;*
- *VKSND huyện Gia Lộc;*
- *Chi cục THADS huyện Gia Lộc;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn